



Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Ngày 4/6/2024, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 81-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT.

NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT VÀ MỘT SỐ HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI, nhận thức của toàn hệ thống chính trị, mọi tầng lớp nhân dân về ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và BVMT ngày càng được nâng cao; hệ thống chính sách, pháp luật không ngừng được hoàn thiện; tổ chức bộ máy được kiện toàn, sắp xếp theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả. Việc chuyển đổi mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh, phát triển bền vững (PTBV) đạt được nhiều kết quả tích cực; mô hình kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn (KTTH), kinh tế các-bon thấp từng bước được triển khai. Việt Nam đã chủ động, tích cực tham gia ký kết nhiều điều ước, thỏa thuận quốc tế về ứng phó với BĐKH, hợp tác quản lý, sử dụng tài nguyên và BVMT, qua đó khẳng định vị thế, vai trò của Việt Nam trong giải quyết các vấn đề toàn cầu. Năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai được nâng lên, dân tiệm cận trình độ các nước tiên tiến của châu Á. Công tác điều tra cơ bản, đánh giá tiềm năng, trữ lượng các loại tài nguyên được đẩy mạnh; các nguồn lực tài nguyên được quy hoạch, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững hơn. Công tác BVMT được chú trọng, đổi mới với chủ trương xuyên suốt là không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần; từng bước chuyển từ bị động ứng phó sang chủ động phòng ngừa, kiểm soát, phục hồi; công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học tiếp tục được đẩy mạnh, diện tích và độ che phủ rừng không ngừng tăng lên.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, quá trình thực hiện Nghị quyết vẫn còn tồn tại một số hạn chế nhất định: (1) Phương thức quản lý tổng hợp và thống nhất, liên ngành, liên vùng trong ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT chưa được triển khai đồng bộ, toàn diện; cơ sở dữ liệu chưa bảo đảm liên thông, đồng bộ, nhất là tính đầy đủ, chính xác, cập nhật. (2) Hạ tầng thích ứng với BĐKH, phòng, chống thiên tai ở nhiều địa phương còn thiếu và yếu; hoạt động kiểm kê, giảm phát thải khí nhà kính chưa mang lại kết quả rõ rệt, đặc biệt là tại các doanh nghiệp phát thải lớn. (3) Nguồn lực đầu tư cho công tác điều



▲ Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI, công tác quản lý tài nguyên, BVMT và ứng phó với BĐKH ngày càng phát huy hiệu quả

tra cơ bản địa chất, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên biển, ứng phó với BĐKH và BVMT còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu; công tác lập quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên chưa bảo đảm chất lượng, tiến độ; quản lý, bảo vệ tài nguyên rừng, nguồn lợi thủy sản và quy hoạch năng lượng tái tạo còn bất cập; tình trạng sụt lún, cháy rừng chưa có giải pháp khắc phục hiệu quả. (4) Ô nhiễm môi trường chậm được khắc phục, nhất là tại một số làng nghề, cụm công nghiệp, lưu vực sông; hạ tầng kỹ thuật về BVMT trong thu gom, xử lý chất thải rắn, nước thải sinh hoạt còn thiếu; ô nhiễm không khí vẫn còn xảy ra tại một số đô thị lớn; công tác bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học chưa đạt mục tiêu đề ra.

Nguyên nhân là do nhận thức, ý thức trách nhiệm quản lý của một số cấp ủy Đảng, chính quyền, một bộ phận người dân, doanh nghiệp về công tác ứng phó với BĐKH, quản lý, bảo vệ tài nguyên và BVMT chưa đầy đủ; bộ máy quản lý nhà nước, công cụ quản lý và hệ thống chính sách, pháp luật chưa đồng bộ, một số lĩnh vực còn phân tán, chồng chéo, thực thi thiếu hiệu quả; cơ chế điều phối, phối hợp liên vùng, liên ngành còn bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu quản lý. Ngoài ra, việc thể chế hóa một số nội dung của Nghị quyết thành các quy định của pháp luật, chính sách của Nhà nước còn chậm, chưa đầy đủ, toàn diện; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật chưa hiệu quả; sự tham gia giám sát, phản biện của các tổ chức chính trị - xã hội, cộng đồng dân cư còn hạn chế; vi phạm pháp luật liên quan đến ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và BVMT vẫn còn xảy ra ở nhiều địa phương.



GIẢI PHÁP, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

Để tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết trong thời gian tới, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy, tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan tiếp tục thực hiện quyết liệt các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong Nghị quyết, Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị khoá XII; đồng thời tập trung thực hiện tốt một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của toàn xã hội về chủ động ứng phó với BĐKH, phòng, chống thiên tai, quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, BVMT theo xu thế chuyển đổi xanh, phát triển kinh tế xanh, các-bon thấp, KTTH, phục hồi hệ sinh thái (HST), hướng đến đạt được mục tiêu PTBV và trung hòa các-bon. Thúc đẩy mạnh việc chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo, ứng dụng thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; phát huy vai trò trung tâm, chủ thể của người dân, doanh nghiệp. Coi thích ứng với BĐKH, thực hiện cam kết đạt phát thải ròng bằng “0” là thách thức, đồng thời cũng là cơ hội để PTBV, góp phần xây dựng, phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động hội nhập sâu rộng, thực chất.

Thứ hai, tiếp tục kiện toàn, củng cố bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước; rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực thi hiệu quả hệ thống chính sách, pháp luật về ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và BVMT. Triển khai đầy đủ, toàn diện Luật BVMT năm 2020, Luật Tài nguyên nước năm 2023, Luật Đất đai năm 2024; xây dựng Luật Địa chất và Khoáng sản; sửa đổi, bổ sung Luật Tài nguyên, môi trường Biển và hải đảo. Chú trọng hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý tổng hợp, điều phối các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên lĩnh vực; xây dựng cơ chế, chính sách huy động nguồn lực, đổi mới các công cụ kinh tế, tiếp cận thị trường về ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và BVMT. Nghiên cứu ban hành Chiến lược tổng thể quốc gia phòng ngừa, ứng phó với các đe dọa an ninh phi truyền thống đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hoàn thiện các quy hoạch, phương án, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên, BVMT. Tăng cường hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật, phòng, chống tội phạm, xử lý vi phạm pháp luật; nâng cao vai trò, hiệu quả công tác phản biện của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư về ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và BVMT.

Thứ ba, đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi xanh, KTTH, chuyển đổi năng lượng công bằng; tập trung nguồn lực giải quyết các nguy cơ cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường, suy giảm các HST; thúc đẩy phát triển, ứng dụng mô hình KTTH trong các ngành, lĩnh vực, vùng, miền, ở từng cấp độ. Từng bước giảm dần sự phụ thuộc vào

nhiên liệu hóa thạch, chuyển mạnh sang phát triển và sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; có chính sách thu hút các dự án đầu tư xanh, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả năng lượng và tài nguyên.

Thứ tư, thường xuyên cập nhật kịch bản, hoàn thiện các phương án, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với BĐKH; ưu tiên đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng ứng phó với BĐKH, phòng, chống thiên tai; tiếp tục nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo; chủ động ứng phó với sạt lở đất, lũ quét khu vực miền núi, trung du; thực hiện giải pháp tổng thể về phòng, chống xâm nhập mặn, sạt lở bờ sông, bờ biển, sụt lún vùng đồng bằng sông Cửu Long; chú trọng công tác di dời, tái định cư cho người dân ở những khu vực có nguy cơ rủi ro thiên tai cao. Chủ động dự trữ nguồn lực cho các hoạt động khắc phục, tái thiết, phát triển trở lại trạng thái bình thường cho những đối tượng bị ảnh hưởng bởi thiên tai, BĐKH, ô nhiễm môi trường; xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính của từng ngành, lĩnh vực, nhất là xây dựng, giao thông, nông nghiệp; thiết lập, vận hành hiệu quả thị trường các-bon.

Thứ năm, nâng cao hiệu quả công tác điều tra cơ bản tài nguyên địa chất, khoáng sản, đặc biệt là tài nguyên biển; xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu bảo đảm đồng bộ, liên thông, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý. Tăng cường biện pháp khai hoang, phục hóa, lấn biển, đưa diện tích đất chưa sử dụng vào sử dụng; kiểm soát chặt chẽ, hiệu quả hoạt động khai thác khoáng sản, nhất là khai thác cát sỏi lòng sông, bờ biển; thúc đẩy khai thác gắn với chế biến sâu các loại khoáng sản chiến lược. Xây dựng hệ thống thông tin, chuyển đổi số trong điều hòa, phân phối tài nguyên nước; khai thác, sử dụng hiệu quả, bảo đảm an ninh nguồn nước. Tăng cường trao quyền quản lý, bảo vệ, phát triển rừng cho cộng đồng; mở rộng các khu bảo tồn biển; tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch không gian biển quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Thứ sáu, tập trung nguồn lực để giải quyết hiệu quả mọi vấn đề cấp bách về môi trường, đặc biệt là xử lý nước thải tại các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề; cải tạo, phục hồi các lưu vực sông, hồ chứa, công trình thủy lợi bị ô nhiễm nghiêm trọng. Xây dựng hạ tầng phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; phát triển ngành công nghiệp tái chế; đẩy mạnh xử lý kết hợp thu hồi năng lượng, hạn chế chôn lấp; giảm thiểu rác thải nhựa. Nâng cao chất lượng môi trường không khí ở đô thị, khu vực đông dân cư; bảo đảm cung cấp nước sạch cho nhân dân; bảo vệ, phục hồi các HST tự nhiên, nhất là các HST rừng, đất ngập nước, rạn san hô, thảm cỏ biển; mở rộng, tăng số lượng, diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên, đồng thời có biện pháp quản lý hiệu quả đa dạng sinh học vùng đệm khu bảo tồn thiên nhiên; bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật hoang dã, nhất là các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư.

TS. VÕ VĂN LỢI